

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/HNGĐ-ST
Ngày 10 - 6 - 2020
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Điền

Bà Vũ Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2019, về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thanh T, sinh năm 1992; Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện L, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đức C, sinh năm 1962; Địa chỉ: 4138 Silverleaf Dr, Ypsilanti, MI 48197, Hoa Kỳ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/7/2019, ngày 19/8/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thanh T trình bày: Chị và anh Nguyễn Đức C quen nhau 04 năm, tìm hiểu yêu thương và thống nhất kết hôn, chị và anh C tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện L và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/10/2016. Sau khi kết hôn chị và anh C chung sống với nhau khoảng 02 tại nhà cha mẹ ruột của chị tại ấp C, xã H, huyện L, tỉnh Bạc Liêu, sau đó anh C trở về Hoa Kỳ sinh sống. Anh C có làm thủ tục bảo lãnh chị sang Hoa Kỳ chung sống nhưng do chị phỏng vấn không đạt nên giữa chị và anh C thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh C không sang Việt Nam thăm chị nữa, từ khoảng tháng 5 năm 2018 đến nay, chị và anh C không còn liên lạc với nhau. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không ai

còn quan tâm đến ai, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị không thể sang Hoa Kỳ để đoàn tụ với anh C được, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định trong thời gian chung sống với anh C, chị và anh C không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Đức C, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện ủy thác tư pháp để tổng đạt văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Đức C để triệu tập anh C tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử theo quy định của pháp luật. Ngày 05/11/2019, Tòa án nhân dân được Văn bản số 212/BC-UTTP ngày 27/10/2019 của Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ, thông báo kết quả thực hiện ủy thác tư pháp cho anh Nguyễn Đức C với nội dung: “...*Đại sứ quán đã gửi thông báo và hồ sơ cho đương sự theo địa chỉ do Tòa án cung cấp, đồng thời niêm yết tại trụ sở Đại sứ quán kể từ ngày 27/9/2019...đăng tin trên cổng thông tin điện tử Đại sứ quán từ ngày 27/9/2019*”. Tuy nhiên, anh Nguyễn Đức C không về Việt Nam tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử theo giấy triệu tập của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 121, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thanh T đối với anh Nguyễn Đức C, xử cho chị Trần Thanh T được ly hôn với anh Nguyễn Đức C. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có, không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu tranh luận của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thanh T cư trú tại tỉnh Bạc Liêu, khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Đức C cư trú tại Hoa Kỳ. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu. Tòa án đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp đối với bị đơn anh Nguyễn Đức C đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh Nguyễn Đức C không về Việt Nam tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa

giải và phiên tòa. Chị Trần Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 và điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt chị Trần Thanh T và anh Nguyễn Đức C.

[2] Về nội dung vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thanh T và anh Nguyễn Đức C, theo giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 14/10/2016, thì có căn cứ để xác định hôn nhân giữa chị Trần Thanh T và anh Nguyễn Đức C là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ, theo đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai của chị Trần Thanh T trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, có cơ sở xác định, sau khi kết hôn anh chị chung nhau khoảng 02 tháng thì anh C trở về Hoa Kỳ và không còn sự quan tâm đến nhau, mặc dù anh C có làm thủ tục bảo lãnh chị T sang Hoa Kỳ để vợ chồng đoàn tụ, nhưng do phỏng vấn không đạt nên chị T không thể sang Hoa Kỳ, hiện mỗi người ở một nơi nhưng không còn liên lạc với nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”, theo đó thì giữa chị T và anh C đã không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, hiện nay chị T và anh C không còn liên lạc với nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thực hiện được và chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị không thể sang Hoa Kỳ để đoàn tụ được.

Tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình quy định, “Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn” và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”. Xét thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được và chị T không thể sang Hoa Kỳ để vợ chồng đoàn tụ, nên có căn cứ để chấp nhận đơn khởi kiện của chị T cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đức C.

[3] Trong quá trình chung sống chị Trần Thanh T xác định vợ chồng không có con chung, tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thanh T đối với anh Nguyễn Đức C, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, lệ phí ủy thác tư pháp chị Trần Thanh T phải chịu toàn bộ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, các Điều 227, 228, 273, 280, 469, 477, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 122, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thanh T đối với anh Nguyễn Đức C.

Xử cho chị Trần Thanh T, sinh năm 1992 được ly hôn với anh Nguyễn Đức C, sinh năm 1962.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định không có, nên không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, lệ phí ủy thác tư pháp:

3.1 Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thanh T phải chịu 300.000 đồng, chị Trần Thanh T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0010194 ngày 19 tháng 8 năm 2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

3.2 Lệ phí ủy thác tư pháp: Chị Trần Thanh T phải chịu 200.000 đồng, chị Trần Thanh T đã nộp lệ phí ủy thác tư pháp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu số 0010126 ngày 30 tháng 8 năm 2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu, đã chuyển thu lệ phí xong không được hoàn lại.

Án xử sơ thẩm công khai, chị Trần Thanh T có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ; anh Nguyễn Đức C có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- UBND tỉnh Bạc Liêu;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Đường sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Anh Tuấn